

NGHIÊN CỨU MỨC ĐỘ SẴN SÀNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC THƯ VIỆN ĐẠI HỌC

Đoàn Mạnh Hồng¹, Trần Thanh Tùng²

Tóm tắt

Trong những năm gần đây, khái niệm “chuyển đổi số” được nhắc đến nhiều tại các diễn đàn, bài viết, văn bản. Chính phủ đã xác định chuyển đổi số là công cụ đột phá để phát triển kinh tế. Trong bối cảnh dịch Covid-19 có những diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống thì chuyển đổi số càng được xem như là một giải pháp hoàn hảo giúp ổn định các hoạt động của xã hội. Với ngành giáo dục, chuyển đổi số đã và đang mang lại nhiều hiệu quả trong công tác đào tạo và quản lý, đặc biệt trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch Covid-19. Ngành thư viện nói chung và thư viện các trường đại học nói riêng, trong thời gian qua đã bị tác động rất nhiều từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0). Văn hóa đọc, nhu cầu sử dụng tài liệu của độc giả thay đổi, buộc các thư viện phải thay đổi phương thức phục vụ để đáp ứng nhu cầu độc giả. Chuyển đổi số là giải pháp hữu ích giúp ngành thư viện nói chung và thư viện các trường đại học nói riêng khẳng định vị thế của mình, là “trái tim của trường đại học”. Bài viết được tác giả sử dụng phương pháp thu thập và phân tích thông tin thứ cấp từ các tài liệu, văn bản triển khai chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương và các trường đại học; đồng thời thu thập thông tin sơ cấp thông qua khảo sát các trường đại học tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của các thư viện đại học.

Từ khóa: Chuyển đổi số, thư viện, đại học, độc giả, mức độ sẵn sàng chuyển đổi số.

AN INVESTIGATION OF UNIVERSITY LIBRARIES' READINESS FOR DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract

In recent years, the term “Digital Transformation” has been mentioned in various forums, articles and documents. The government has identified digital transformation as a breakthrough tool for economic development. In the context of the Covid-19 pandemic which have negatively affected all aspects of life, digital transformation is regarded as a great solution to stabilize social activities. Digital transformation in education has appeared to be very beneficial in training and management, especially during the period of the Covid-19 pandemic. Libraries in general and university libraries in particular have been greatly influenced by the 4th Industrial Revolution. Changes in reading culture and the readers' needs have forced libraries to change their service methods to meet the readers' needs. Digital transformation can be regarded as a useful solution to help university libraries affirm their position as “the heart of the university”. In this study, the authors collected and analyzed the secondary data from materials and documents on the implementation of digital transformation of ministries, branches, localities and universities. At the same time, the primary data was gathered through surveys of universities in Vietnam. The research results indicated factors affecting the readiness of university libraries for digital transformation

Keywords: Digital transformation, library, university, readers, readiness for digital transformation.

JEL classification: I; I23; I25.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang là một trong những chủ đề “nóng” trên các diễn đàn và kế hoạch của các bộ, ngành, địa phương trong thời gian gần đây. Trong rất nhiều bản kế hoạch công tác trọng tâm của một số bộ, ngành, địa phương đặt nhiệm vụ chuyển đổi số là nhiệm vụ ưu tiên, coi đó là then chốt để phát triển trong thời gian tới.

Trên thế giới, chuyển đổi số được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2015, phổ biến từ năm 2017. Tại Việt Nam, chuyển đổi số được đề cập nhiều vào năm 2018. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính Phủ đã ký quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, theo đó, Việt Nam đặt mục tiêu trở thành Quốc gia số, ổn định và

thịnh vượng. Trong đó, nội dung chương trình đã xác định giáo dục và đào tạo là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong triển khai thực hiện.

Trong giáo dục và đào tạo, công tác chuyển đổi số cũng được chú trọng quan tâm. Trong những năm qua, đặc biệt từ khi xảy ra dịch bệnh Covid-19, ngành giáo dục đã triển khai nhiều hoạt động thông qua hình thức trực tuyến và đã mang lại những hiệu quả nhất định, góp phần phòng chống dịch bệnh.

Với giáo dục đại học, ngoài chuyển đổi số công tác đào tạo và quản lý điều hành thì việc cung cấp tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của người học là không thể thiếu trong quá trình đào tạo. Trong những năm gần đây, các thư viện của các trường đại học (thư viện đại học) đã ứng dụng

mạnh mẽ công nghệ thông tin, xây dựng thư viện điện tử và từng bước xây dựng thư viện số.

Nhằm thực hiện thành công chuyển đổi số cho ngành thư viện, ngày 11 tháng 02 năm 2021, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định số 206/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, đây được xem là cơ sở tạo đột phá trong lĩnh vực này để phục vụ độc giả.

Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi số, các thư viện đại học đã gặp phải không ít khó khăn. Trong đó phải kể đến một số khó khăn điển hình như: nhận thức của lãnh đạo và cán bộ thư viện chưa đầy đủ; nguồn nhân lực của thư viện chưa đáp ứng yêu cầu; cơ chế chính sách chưa tạo thuận lợi cho chuyển đổi số; cơ sở hạ tầng của thư viện còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu cho chuyển đổi số. Xuất phát từ những lý do như đã phân tích, cần có sự nghiên cứu về mức độ sẵn sàng để chuyển đổi số của các thư viện đại học.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Theo Nguyễn Thị Thu Vân (2021), chuyển đổi số là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất của cá nhân, tổ chức. Hay nói theo cách khác, chuyển đổi số chính là quá trình chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình số bằng cách ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud computing)... và các phần mềm công nghệ để thay đổi phương thức quản lý, điều hành, thay đổi quy trình, phương thức làm việc và thay đổi văn hóa tổ chức. Quá trình phát triển của chuyển đổi số gồm các giai đoạn: Số hóa (Digitization) là chuyển thông tin thực sang dạng số để dễ dàng lưu trữ, tìm kiếm, chia sẻ. Ứng dụng kỹ thuật số vào các quy trình nghiệp vụ, sử dụng phần mềm để làm cho các hoạt động trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Chuyển đổi số (Digital transformation) là sử dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), Big Data, IoT... để thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu một cách toàn diện và triệt để, từ đó dẫn đến sự thay đổi mô hình và cách thức hoạt động của tổ chức.

Theo Cẩm nang chuyển đổi số (2021), chuyển đổi số khác với tin học hóa hay ứng dụng CNTT. Ứng dụng công nghệ thông tin là số hóa quy trình đã có, theo mô hình hoạt động đã có để cung cấp dịch vụ đã có. Chuyển đổi số là số hóa toàn bộ cả một tổ chức, là thay đổi quy trình mới, mô hình tổ chức mới, phương thức cung cấp dịch vụ hoặc dịch vụ mới.

Đỗ Thị Ngọc Quyên (2021) cho rằng, trong giáo dục, chuyển đổi số là chuyển đổi toàn bộ

những gì cần để có thể triển khai giáo dục trực tuyến. Không có một công thức dành riêng cho quá trình này, nhưng hoàn toàn có thể vận dụng các khung đánh giá hiệu quả giáo dục cũng như các khung đảm bảo chất lượng giáo dục để định hướng quá trình chuyển đổi. Vai trò lãnh đạo, tổ chức, điều phối, huy động nguồn lực cấp hệ thống sẽ là then chốt quyết định hình hài của giáo dục mới. Bên cạnh việc hướng đến đảm bảo hiệu quả giáo dục, cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng cho mọi đối tượng người học, kể cả học sinh nghèo và khuyết tật, để không ai bị bỏ lại phía sau là một mục tiêu quan trọng mà chuyển đổi số phải đạt được.

Theo Trịnh Thị Thủy (2021), để chuyển đổi số thành công thì điều kiện tiên quyết là sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, cơ quan chủ quản của thư viện, đặc biệt là quan tâm đầu tư cho hoạt động chuyển đổi số theo lộ trình và kế hoạch đã đặt ra. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện hệ thống thể chế chính sách cũng đóng vai trò rất quan trọng, chính vì vậy rất cần sự quan tâm vào cuộc của các bộ, ngành, địa phương. Một yếu tố không thể thiếu để thực hiện thành công chuyển đổi số thư viện đó là nguồn lực, bao gồm cả nguồn lực về con người, nguồn lực về hạ tầng công nghệ và nguồn học liệu. Nguồn lực về công nghệ giúp triển khai các quy trình truyền thông trên nền tảng số, nguồn lực học liệu giúp làm tăng tài nguyên cho thư viện, nguồn lực về con người giúp vận hành hiệu quả các quy trình trên nền tảng số.

Tuy nhiên, trong thời gian qua chưa có tác giả nào nghiên cứu về mức độ sẵn sàng chuyển đổi số thư viện của các trường đại học tại Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thu thập thông tin

3.1.1. Thu thập thông tin thứ cấp

Thu thập từ các tài liệu có liên quan như văn bản triển khai chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương và các trường đại học, báo, tạp chí, công trình nghiên cứu, thông tin trên Website của các ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan.

3.1.2. Thu thập thông tin sơ cấp

Tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi với thư viện của các trường đại học trên lãnh thổ Việt Nam. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ và sử dụng ứng dụng Google Form.

3.2. Phương pháp phân tích thông tin

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để tiến hành phân tích các thông tin thu thập được. Qua đó phân tích, đánh giá tính sẵn sàng chuyển đổi số của các thư viện và rút ra kết luận. Phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh số liệu về điều kiện để sẵn sàng chuyển đổi số thư viện.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thông tin về đối tượng khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng hình thức trực tuyến đến các thư viện thuộc các trường đại học trên toàn lãnh thổ Việt Nam, kết quả thu được trả lời của 104 thư viện. Trong đó có 37 trường thuộc khu vực miền bắc (chiếm 35,6%), 34 trường thuộc khu vực miền trung (chiếm 32,7%), 33 trường thuộc khu vực miền nam

(chiếm 31,7%). Phân theo loại hình trường, có 98 trường công lập (chiếm 94,2%), 6 trường ngoài công lập (chiếm 5,8%). Phân theo khối ngành đào tạo, có 14 trường thuộc khối ngành khoa học xã hội (chiếm 13,5%), 3 trường thuộc khối ngành tự nhiên (chiếm 2,9%), 36 trường thuộc khối ngành kỹ thuật (chiếm 34,6%), 51 trường thuộc khối ngành khác (chiếm 49%).

Bảng 01: Thông tin chung về đối tượng khảo sát

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Khu vực		100
1.1	Miền Bắc	%	35,6
1.2	Miền Trung	%	32,7
1.3	Miền Nam	%	31,7
2	Loại hình trường		100
2.1	Công lập	%	94,2
2.2	Ngoài công lập	%	5,8
3	Khối ngành đào tạo		100
3.1	Khoa học xã hội	%	13,5
3.2	Khoa học tự nhiên	%	2,9
3.3	Kỹ thuật	%	34,6
3.4	Khác	%	51

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát các thư viện của nhóm nghiên cứu, 2022

4.2. Nhận thức về chuyển đổi số thư viện

Để đánh giá mức độ nhận thức của những đối tượng liên quan (lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo thư viện và cán bộ thư viện) về sự cần thiết chuyển đổi

số, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, kết quả khảo sát cho thấy các đối tượng này đều nhận thức đầy đủ về sự cần thiết chuyển đổi số thư viện (đạt giá trị trung bình trên 4,2 của thang đo 5 mức độ).

Bảng 02: Kết quả phân tích về mức độ nhận thức

	Nhận thức của LD Trường về cần thiết CDS TV	Nhận thức của LD TV về cần thiết CDS TV	Nhận thức của cán bộ TV về cần thiết CDS TV
N Valid	104	104	104
Missing	0	0	0
Mean	4,2692	4,5962	4,5288
Std. Deviation	1,00707	,95041	,77531

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu, 2022

Tuy nhiên, vẫn còn có những trường, lãnh đạo nhà trường mới chỉ nhận thức được một phần về sự cần thiết chuyển đổi số thư viện (chiếm 8,7%). Và còn có lãnh đạo thư viện chưa nhận thức được về sự cần thiết chuyển đổi số thư viện (chiếm 2,9%). Đây là vấn đề mà rất nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đang gặp phải. Đặc biệt, đối với những nơi mà lãnh đạo là người lớn tuổi thì họ ngại thay đổi và phải áp dụng công nghệ.

4.3. Nguồn nhân lực để chuyển đổi số thư viện

Trong nghiên cứu này, nguồn nhân lực để chuyển đổi số thư viện đề cập đến bao gồm nguồn nhân lực đang làm việc tại thư viện và nguồn nhân

lực về CNTT nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy cả hai nguồn nhân lực này mới chỉ đạt ở mức đáp ứng một phần (nguồn nhân lực của thư viện đạt 3,28 và nguồn nhân lực CNTT đạt 3,17).

Hơn thế nữa, với đội ngũ kỹ thuật viên CNTT đóng vai trò hỗ trợ về công nghệ cho thư viện trong việc chuyển đổi số mà có đến 24% câu trả lời đánh giá dưới mức 2 (không đáp ứng). Đồng thời, đội ngũ cán bộ thư viện, người thực tiếp thực hiện chuyển đổi số nhưng có đến hơn 15% câu trả lời đánh giá từ mức 2 trở xuống (không đáp ứng). Như vậy, các trường cần xem xét lại nguồn nhân lực trước khi thực hiện chuyển đổi số thư viện.

Bảng 03: Kết quả phân tích về nguồn nhân lực

	Nguồn nhân lực của TV đáp ứng tốt yêu cầu CDS	Đội ngũ kỹ thuật CNTT đáp ứng yêu cầu CDS TV
N Valid	104	104
Missing	0	0
Mean	3,2788	3,1731
Std. Deviation	,93950	1,16120

Thực tế cho thấy, sau sự quyết tâm của lãnh đạo thì đội ngũ kỹ thuật viên CNTT và nhân viên thư viện là nhân tố quyết định đến sự thành công của chuyển đổi số tại thư viện. Vậy nên những trường đại học có kỹ thuật viên CNTT và nhân viên thư viện chưa đáp ứng được yêu cầu để chuyển đổi số cần phải có sự thay đổi cho phù hợp.

4.4. Cơ chế chính sách, hệ thống văn bản và nguồn kinh phí để chuyển đổi số thư viện

Nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát 4 câu hỏi liên quan đến cơ chế chính sách và nguồn

kinh phí để tiến hành chuyển đổi số thư viện, bao gồm: Cơ chế chính sách và hệ thống văn bản quản lý của Trường trong lĩnh vực thư viện có thể áp dụng khi tiến hành chuyển đổi số thư viện; Trường sẵn sàng đầu tư kinh phí để tiến hành chuyển đổi số thư viện; Trường đã xây dựng cơ chế kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các thư viện trong và ngoài nước; Trường tận dụng tốt các mối quan hệ trong hợp tác quốc tế để tiến hành chuyển đổi số thư viện.

Bảng 04: Kết quả phân tích về cơ chế chính sách và nguồn kinh phí

		Cơ chế chính sách và hệ thống VBQL của Trường trong lĩnh vực TV có thể áp dụng khi tiến hành CDS TV	Trường sẵn sàng đầu tư kinh phí để tiến hành CDS TV	Trường đã xây dựng cơ chế kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các TV khác (trong và ngoài nước)	Trường tận dụng tốt các mối quan hệ trong hợp tác quốc tế để tiến hành CDS TV
N	Valid	104	104	104	104
Missing		0	0	0	0
Mean		3,3462	3,2308	2,4327	2,7788
Std. Deviation		1,13864	1,14256	1,22882	1,26150

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu, 2022

Nhìn vào bảng 04 ta thấy, về cơ chế chính sách và hệ thống văn bản quản lý trong lĩnh vực thư viện có thể sử dụng khi tiến hành chuyển đổi số thư viện mới chỉ đáp ứng được một phần. Về kinh phí để tiến hành chuyển đổi số cũng chưa được nhà trường sẵn sàng đầu tư. Đặc biệt, về cơ chế kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các thư viện khác được đánh giá dưới mức 3 (đáp ứng một phần), cho thấy các thư viện cần phải có được những cơ chế để kết nối, liên thông để chia sẻ dữ liệu với các thư viện khác thì việc chuyển đổi số mới thực sự có ý nghĩa. Về tận dụng các mối quan hệ trong hợp tác quốc tế để tiến hành chuyển đổi số thư viện được đánh giá khá thấp (2,78/5), qua

đó thấy rằng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thư viện còn rất hạn chế.

Kết quả phân tích cho thấy, đa số các trường đại học chưa sẵn sàng đầu tư kinh phí để thực hiện chuyển đổi số và cũng chưa quan tâm đến cơ chế chia sẻ tài liệu dùng chung để tiết kiệm nguồn kinh phí phải đầu tư phát triển nguồn học liệu.

4.5. Cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số thư viện

Về cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số thư viện được tiến hành khảo sát 3 nội dung, bao gồm: hệ thống phần cứng (hệ thống máy tính và hệ thống mạng), hệ thống phần mềm và hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

Bảng 05: Kết quả phân tích về cơ sở vật chất

		Hạ tầng phần cứng của Trường sẵn sàng để tiến hành CDS TV (máy chủ, máy tính để đọc giả tra cứu, máy in, máy scan, máy in mã vạch, mạng LAN, cổng từ,...)	Hệ thống phần mềm của Trường sẵn sàng CDS TV	Trường có các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng; quản lý, giám sát an toàn thông tin; bảo mật dữ liệu
N	Valid	104	104	104
Missing		0	0	0
Mean		3,1346	3,0192	3,3269
Std. Deviation		1,32238	1,23052	1,10112

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu, 2022

Kết quả khảo sát cho thấy cả hệ thống phần cứng, hệ thống phần mềm và hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn thông tin được đánh giá ở mức đáp ứng một phần. Đặc biệt, có tới 28% câu trả lời là hệ thống phần cứng không đáp ứng và 35% câu trả lời hệ thống phần mềm không đáp ứng. Trong khi, để tiến hành chuyển đổi số thì hạ tầng phần cứng và hệ thống phần mềm đóng vai trò rất quan trọng giúp số hóa các quy trình. Điều này cũng

phản ánh đúng thực tế hiện nay đối với thư viện các trường đại học, các trường chưa dành sự quan tâm đúng mức với thư viện trong đầu tư cơ sở hạ tầng. Nên để thực hiện thành công công cuộc chuyển đổi số thư viện thì các trường đại học cần đầu tư đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất, đặc biệt là hệ thống CNTT.

4.6. Nguồn học liệu số phục vụ chuyển đổi số thư viện

Để chuyển đổi số thư viện không thể thiếu nguồn học liệu số, nguồn học liệu số đóng vai trò như nguồn “máu” trong “cơ thể” thư viện số. Trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu phân

nguồn học liệu thành 4 nhóm cơ bản là: nguồn tài liệu là giáo trình; nguồn tài liệu tham khảo (sách, tạp chí); nguồn tài liệu nội sinh của các thư viện; cơ sở dữ liệu điện tử.

Bảng 06: Kết quả phân tích về nguồn học liệu

		Nguồn TL là giáo trình của TV đã được số hóa, sẵn sàng để tiến hành CDS	Nguồn TL tham khảo (sách, tạp chí của TV đã được số hóa, sẵn sàng để tiến hành CDS	Nguồn TL nội sinh của TV đã được số hóa, sẵn sàng để tiến hành CDS	CSDL điện tử báo, tạp chí (mua từ các NXB) có đầy đủ, sẵn sàng để tiến hành CDS TV
N	Valid	104	104	104	104
	Missing	0	0	0	0
	Mean	3,3462	3,0962	3,6827	3,2308
	Std. Deviation	1,07730	1,13650	1,30171	1,28645

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu, 2022

Dựa vào bảng 06 ta thấy, cả 4 nguồn tài liệu được các thư viện đánh giá ở mức đáp ứng một phần, cho thấy các thư viện cần quan tâm phát triển nguồn học liệu số để chuyển đổi số thư viện đạt hiệu quả. Hơn thế nữa, vẫn còn trên 20% câu trả lời cho rằng các nguồn học liệu chưa đáp ứng sẵn sàng để chuyển đổi số thư viện, chứng tỏ vẫn còn một số thư viện chưa quan tâm đến phát triển nguồn tài liệu số trong thời gian vừa qua.

Nguồn học liệu là “dòng máu” để nuôi sống “cơ thể” thư viện, nên để thư viện hoạt động hiệu quả cần phải quan tâm đến phát triển nguồn học liệu, đặc biệt khi tiến hành chuyển đổi số thì nguồn học liệu phải càng đa dạng, phong phú nên các trường đại học cần thực sự quan tâm, nếu không sẽ không thực hiện thành công chuyển đổi số thư viện.

5. Kết luận và khuyến nghị

Mặc dù đã có những văn bản từ cấp nhà nước đến địa phương về thực hiện chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số ngành thư viện nói riêng, nhưng đến nay việc thực hiện chuyển đổi số tại các thư viện đại học diễn ra còn chậm. Nguyên nhân được chỉ ra thì nhiều, nhưng điểm hình là một số nhóm nguyên nhân như sau:

Thứ nhất, việc thay đổi nhận thức của những người trong cuộc còn chậm, đặc biệt là người đứng đầu. Bên cạnh sự quyết tâm của người đứng đầu thì lãnh đạo thư viện cũng chưa nhận thức đầy đủ về sự cần thiết chuyển đổi số thư viện, dẫn đến nhân viên thư viện cũng chưa thực sự nhận thức đầy đủ về chuyển đổi số thư viện.

Để khắc phục điều này, trước tiên phải có những hình thức phù hợp để nâng cao nhận thức của lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo và nhân viên thư viện; đưa việc chuyển đổi số thư viện là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn tới.

Thứ hai, nguồn lực về cơ sở vật chất của các thư viện cũng còn thiếu nên chưa thể thực hiện chuyển đổi số, đặc biệt là hạ tầng phần cứng (bao gồm hệ thống mạng và các trang thiết bị CNTT) và hệ thống phần mềm còn thiếu và chưa đồng bộ. Nguồn kinh phí mà các trường dành cho chuyển đổi số cũng rất hạn chế.

Giải pháp để khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất là các trường đại học nên cân đối nguồn tài chính, xây dựng lộ trình đầu tư phù hợp. Trong trường hợp trường chưa thể đầu tư ngay để thực hiện chuyển đổi số thì có thể thuê cơ sở vật chất của đơn vị khác, phương án này còn khắc phục được những khó khăn về nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống.

Thứ ba, cơ chế chính sách của nhà nước cũng như của các trường còn thiếu sự đồng bộ, chưa tạo thuận lợi cho chuyển đổi số thư viện. Các quy định về bản quyền tài liệu còn gây một số khó khăn trong việc lưu thông tài liệu số. Chưa có những cơ chế rõ ràng trong việc liên thông, chia sẻ tài liệu giữa các thư viện.

Để khắc phục vấn đề này, các trường nên chủ động hợp tác với các trường đại học khác để cùng xây dựng cơ chế chia sẻ tài liệu dùng chung, đồng thời kiến nghị với cơ quan chức năng hoàn thiện cơ chế chính sách phù hợp.

Thứ tư, nguồn lực của các thư viện đang được khai thác manh mún, chưa phát huy được tính hữu dụng của việc chia sẻ tài nguyên gây ra lãng phí tài nguyên.

Các trường cần quy hoạch lại các nguồn lực của thư viện, đặc biệt là nguồn học liệu nội sinh để khai thác hiệu quả. Đồng thời nên tận dụng các mối quan hệ trong hợp tác quốc tế để đầu tư, phát triển thư viện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2021). *Cẩm nang chuyển đổi số*. H. NXB Thông tin & Truyền thông, 2021, tr. 21.
- [2]. Nguyễn Thị Thu Vân. (2021). *Chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục đại học*. Truy cập ngày 05/01/2022, từ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/11/02/chuyen-doi-so-trong-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc>.
- [3]. Đỗ Thị Ngọc Quyên. (2021). *Chuyển đổi số trong giáo dục: Những thách thức và nguy cơ*. Truy cập ngày 07/01/2022, từ <https://tiasang.com.vn/giao-duc/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-nhung-thach-thuc-va-nguy-co-26836>.
- [4]. Trịnh Thị Thùy. (2021). *Các vấn đề đặt ra khi triển khai chuyển đổi số thư viện*. Truy cập ngày 10/01/2022, từ <https://daibieunhandan.vn/cac-van-de-dat-ra-khi-trien-khai-chuyen-doi-so-thu-vien-x6zxw0vs1g-67960>.
- [5]. Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
- [6]. Nguyễn Hoàng Sơn, Nguyễn Huy Chương, Lê Bá Lâm, Vũ Thị Kim Anh, Hoàng Văn Dưỡng. (2018). *Thư viện thông minh 4.0 : Công nghệ - Dữ liệu - Con người*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
- [7]. Nguyễn Hoàng Sơn, Nguyễn Huy Chương. (2017). *Xây dựng và phát triển thư viện số Việt Nam: Quá khứ - Hiện tại – Tương lai*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.

Thông tin tác giả:

1. Đoàn Mạnh Hồng

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: manhhong@tueba.edu.vn

2. Nguyễn Thanh Tùng

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh

Ngày nhận bài: 15/4/2022

Ngày nhận bản sửa: 4/5/2022

Ngày duyệt đăng: 27/5/2022